

Bản án số: 85/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25 – 8 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng

Ông Châu Trung Trực

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cà Mau.

Ngày 25 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Hồng H, sinh năm 1979; CCCD: 096179011147; ngày cấp: 10/8/2021; địa chỉ cư trú: ấp NL, xã ĐM, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn V, sinh năm 1976; CCCD: 096076018397; ngày cấp: 10/8/2021; địa chỉ thường trú: ấp NL, xã ĐM, tỉnh Cà Mau; địa chỉ cư trú hiện tại: ấp PT, xã LTT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Bà Trần Thị Hồng H trình bày:**

Về hôn nhân: Bà H chung sống với ông V trên cơ sở tự nguyện vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐM, huyện NH, tỉnh Cà Mau (nay là xã ĐM, tỉnh Cà Mau) vào ngày 09/9/2003. Quá trình chung sống đến năm 2023 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi nhau, bất đồng quan điểm và sống ly thân nhau đến nay. Tháng 4/2025, bà H khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án nhưng rút đơn để hàn gắn, đến nay vợ chồng cũng không thể hàn gắn được. Nay cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục vì không còn tình cảm và hạnh phúc nên bà H yêu cầu được ly hôn ông V.

Về con chung: Có hai con chung tên Phan Hoài B, sinh ngày 06/10/1999 và Phan Thị Hồng N, sinh ngày 19/10/2004. Hiện tại các con chung đã trưởng thành

nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Đối với ông Phan Văn V:*

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Vũ biết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng ông Vũ không có ý kiến hay yêu cầu gì, không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Hồng H có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Phan Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Bà H và ông V kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống bà H xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và thường xuyên cãi nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu tôn trọng quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, bà H xác định mâu thuẫn không thể hàn gắn được, mỗi người đã có cuộc sống riêng và ly thân nhau từ năm 2023 nhưng không thể hàn gắn, ông V cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà H cho thấy hôn nhân của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho bà H được ly hôn với ông V là phù hợp.

[3] Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định tự thỏa thuận phân tài sản chung và về nợ chung không có, không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[5] Về án phí: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hồng H.

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị Hồng H được ly hôn ông Phan Văn V.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0011866 ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Cà Mau (đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã ĐM, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng